| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TAM BÌNH**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 92/2022/HNGĐ - ST
Ngày 22 - 7 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Phan Kiên Nhẫn

2. Ông Trần Văn Thơi

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1978 – có đơn xin vắng mặt

*Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Hồng T, sinh năm 1983 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện B, tỉnh V

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 13/5/2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Minh T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh T1 và chị T cưới nhau vào năm 1998, hôn nhân do quen biết, anh T1 và chị T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh V. Thời gian vợ chồng hạnh phúc khoảng 19 năm đến năm 2017 thì phát sinh vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng và ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân phát sinh vi phạm nghĩa vụ vợ chồng anh T1 trình bày là do chị T có người đàn ông bên ngoài và chị T bỏ nhà đi từ năm 2016 cho đến nay không về đoàn tụ. Anh T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh T1 và chị T có một người con chung tên là Nguyễn Minh C, sinh ngày 28/3/2003. Hiện nay cháu Minh C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn là chị Đỗ Thị Hồng T: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho chị T, nhưng chị T không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 06/6/2022.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Về hôn nhân: Căn cứ vào Trích lục kết hôn giữa chị Đỗ Thị Hồng T với anh Nguyễn Minh T1 được Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh V cấp ngày 30/12/2002 thì chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Về con chung: Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh được Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh V cấp ngày 04/4/2003 thì cháu Nguyễn Minh C là con chung của anh Nguyễn Minh T1 và chị Đỗ Thị Hồng T.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt không có ý do, do đó không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Minh T1 về việc yêu cầu ly hôn với chị Đỗ Thị Hồng T là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho chị T, nhưng chị T vẫn vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

Ngày 22/6/2022 anh T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T1.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của anh T1 với chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên nhân phát sinh vi phạm nghĩa vụ vợ chồng giữa anh T1 với chị T là do chị T có người đàn ông bên ngoài và chị T đã bỏ nhà đi từ năm 2017 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T1 và chị T không còn chung thủy, quan T1, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và không còn nghĩa vụ sống chung với nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T1 với chị T; cho anh T1 được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 28/3/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Minh T1.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Nguyễn Minh T1 với chị Đỗ Thị Hồng T.

1.2. Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 28/3/2003 đã trưởng thành, anh T1 không yeu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nguyễn Minh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T1 đã nộp theo biên lai thu số No 0010810 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên anh T1 không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã Ký)*

**Nguyễn Văn Cảnh**